TÒA ÁN NHÂN DÂN **KV6-VL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/DS-ST
Ngày 25 tháng 09 năm 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV6-VL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy Bắc;

Ông Đường Thanh Chánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân KV6-VL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6-VL tham gia phiên tòa: Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV6-VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 05 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị M, sinh năm: 1951; địa chỉ: 138/12 ấp TP, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp TP, xã PP, tỉnh VL).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp BA A, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp BA A, xã CL, tỉnh VL). Có mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960; địa chỉ: 260/20 ấp BAn, xã HN, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp BA, xã CL, tỉnh VL). Tạm trú: ấp AQ, xã LT, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp AQ, xã CL, tỉnh VL). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà T) trình bày:

Vào ngày 04/9/2024, bà M có cho ông Nguyễn Văn N mượn số tiền 9.000.000.000đồng để trả đáo hạn Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh TTG - Phòng giao dịch HL, thời gian trả là 03 ngày. Đến ngày 05/9/2024dl thì ông N

mới thanh toán cho bà M được 8.500.000.000đồng, còn nợ lại bà M số tiền là 500.000.000đồng. Bà M nhiều lần liên hệ nhưng ông N cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ.

Vì vậy, bà Lê Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N trả cho bà M số tiền 500.000.000 đồng. Bà Lê Thị M không yêu cầu tính lãi trong thời gian qua.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N: mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông như: thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện, tất cả các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, thông báo kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng ông vẫn không có ý kiến phản hồi, mà vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M:

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền vay 500.000.000 đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: nguyên đơn (bà Lê Thị M) kiện yêu cầu bị đơn (ông Nguyễn Văn N) phải trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000đồng nên đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn có nơi cư trú: 260/20 ấp BA, xã HN, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp BA, xã CL, tỉnh VL) nên Tòa án nhân dân KV6-VL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn (ông Nguyễn Văn N) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Lê Thị M) yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn N phải trả cho bà M số tiền gốc còn nợ lại là 500.000.000đồng và cung cấp chứng cứ là "*biên nhận đề ngày 04/9/2024 với nội dung biên nhận thể hiện như sau: tôi tên Nguyễn Văn N, sinh năm 1960; địa chỉ: 260/20 ấp BA, xã HN, huyện CL, BT có mượn của bà Lê Thị M số tiền 9.000.000.000đồng để trả đáo hạn Ngân hàng công thương TG, thời gian trả 3 ngày*". Người nhận ký tên và ghi họ tên".

[3.1] Xét về hình thức "Biên nhận" mặc dù không được công chứng, chứng thực nhưng thể hiện rỏ họ tên, năm sinh địa chỉ nơi cư trú cụ thể của bên nhận. Đồng thời, qua kết quả tra cứu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Công an xã CL đã xác định đúng năm sinh, địa chỉ cư trú của bị đơn đúng với biên nhận do nguyên đơn cung cấp. Do đó, việc ông N không đến Tòa là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Vì vậy, Tòa án nhân dân KV6-VL thụ lý, giải quyết là phù hợp khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.2] Hơn nữa, căn cứ biên nhận do ông Nguyễn Văn N ký nhận đề ngày 04/9/2024 cho thấy trước đây bị đơn ông Nguyễn Văn N có giao dịch vay mượn tiền của bà Lê Thị M số tiền là 9.000.000.000đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn thừa nhận là bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 8.500.000.000đồng, tuy nhiên vẫn còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 500.000.000đồng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng, do đó cần buộc bị đơn ông N phải trả số tiền còn nợ lại cho bà M là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mặc khác, sau khi được Tòa án tống đạt hợp lệ các chứng cứ là "biên nhận tiền do nguyên đơn cung cấp cùng với thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả công khai chứng cứ" nhưng ông N vẫn không có ý kiến phản hồi. Chứng tỏ, ông N không có khiếu nại gì với số tiền mà nguyên đơn đã yêu cầu, nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn bà M vẫn không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[5] Từ các căn cứ trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6-VL là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của 500.000.000đồng là 24.000.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị M số tiền gốc là 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng).

Ghi nhận việc bà M không yêu cầu tính lãi trong thời gian qua.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của 500.000.000đồng là 24.000.000đồng.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, ông N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng GĐKT, TT& THA TAND tỉnh VL*;
- *VKSND KV6-VL;*
- *Phòng THADS KV6-VL;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng